Mẫu số 39-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **24/2019/QĐST-DS**	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Tuấn Hưởng
2. Ông Phạm Đức Long

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246, 482, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 , 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Luật Thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 06/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thúy H**, sinh năm 1959;
Trú tại: Tổ 13, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên;

* *Bị đơn:* Bà **Chu Cẩm T**, sinh năm 1965;
Trú tại: SN 8, ngõ 306 Tổ 21, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Bùi Quốc T**, sinh năm 1962;

Trú tại: SN 8, ngõ 306 Tổ 21, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thúy H khởi kiện yêu cầu bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T trả tổng số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận như sau:

+ Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T nhất trí có trách nhiệm trả Bà Trần Thúy H tổng số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T không phải trả lãi suất do bà Trần Thúy H không yêu cầu.

+ Thời hạn thanh toán cụ thể:

- Lần 1: Ngày 30/12/2019 Bà T và ông T trả bà H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).
- Lần 2: Ngày 30/6/2020 Bà T và ông T trả bà H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).
- Lần 3: Ngày 30/12/2020 Bà T và ông T trả bà H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương tứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định bằng 50% của mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **12.000.000đ*(Mười hai triệu đồng)*** nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả bà Trần Thúy H số tiền **6.000.000** đồng(Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007219 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án/.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hồng Thái

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2019

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Tuấn Hưởng
2. Ông Phạm Đức Long

- Căn cứ Điều 264 , 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận đối với vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy H, sinh năm 1959;
Trú tại: Tổ 13, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên;

* *Bị đơn:* Bà Chu Cẩm T, sinh năm 1965;
Trú tại: SN 8, ngõ 306 Tổ 21, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1962;

Trú tại: SN 8, ngõ 306 Tổ 21, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã đ□ợc xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện , không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Áp dụng điều luật:

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246, 482, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 , 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 06/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019.

Biểu quyết 3/3 = 100%

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thúy H khởi kiện yêu cầu bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T trả tổng số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận như sau:

+ Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T nhất trí có trách nhiệm trả Bà Trần Thúy H tổng số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T không phải trả lãi suất do bà Trần Thúy H không yêu cầu.

+ Thời hạn thanh toán cụ thể:

- Lần 1: Ngày 30/12/2019 Bà T và ông T trả bà H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 30/6/2020 Bà T và ông T trả bà H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 30/12/2020 Bà T và ông T trả bà H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương tứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất

chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định bằng 50% của mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Biểu quyết 3/3 = 100%

3. Về án phí: Bà Chu Cẩm T và ông Bùi Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **12.000.000đ*(Mười hai triệu đồng)*** nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả bà Trần Thúy H số tiền **6.000.000** đồng(Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007219 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3 = 100%

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu quyết 3/3 = 100%

Biên bản lập xong hồi 10h 30 phút cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Hưởng- Phạm Đức Long **Mai Thị Hồng Thái**